

Số: 13 /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày 29 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trị,
tỉnh Sóc Trăng năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật ngân sách Nhà nước Luật ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 383/TTr-UBND, ngày 18/6/2021 của UBND huyện Thanh
Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện, ý kiến thảo luận
của đại biểu HĐND huyện Thanh Trị tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện
Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2021 theo Tờ trình số 383/TTr-UBND, ngày 18
tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Thanh Trị, cụ thể một số khoản thu, chi như
sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2021 số tiền:
87.082.918.946 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 513.958.918.946 đồng,
trong đó:

1.1 Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 31.050.000.000 đồng, trong đó
ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 29.140.000.000 đồng (theo dự toán
đầu năm).

1.2 Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 20.513.781.352 đồng.
Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 418.249.781.352 đồng. Bao gồm:

- Dự toán thu bổ sung cân đối là: 316.888.000.000 đồng (theo dự toán đầu
năm).



- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu trong năm số tiền: 20.513.781.352 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là: 20.513.781.352 đồng.

1.3 Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 19.864.531.225 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 16.324.286.247 đồng.

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 3.540.244.978 đồng.

1.4 Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 46.704.606.369 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 43.566.450.691 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp xã: 3.138.155.678 đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2021: 87.082.918.946 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 513.958.918.946 đồng, trong đó:

2.1 Tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là: 80.404.518.290 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 459.903.518.290 đồng, bao gồm:

- Dự toán chi ngân sách huyện theo phân cấp là: 295.201.000.000 đồng (không bao gồm chi ngân sách cấp xã - theo dự toán chi đầu năm).

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 80.848.000.000 đồng.

- Dự chi XDCB và chi cải cách tiền lương: 3.450.000.000 đồng.

- Tăng dự toán chi vốn bổ sung có mục tiêu trong năm là: 20.513.781.352 đồng. Dự toán chi sau khi điều chỉnh là: 20.513.781.352 đồng.

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 16.324.286.247 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020: 43.566.450.691 đồng.

2.2 Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 6.678.400.656 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 54.055.400.656 đồng, trong đó:

- Chi ngân sách xã (theo dự toán đầu năm): 47.377.000.000 đồng

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 3.540.244.978 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp xã: 3.138.155.678 đồng.

(Đính kèm phụ lục điều chỉnh).

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tập trung điều hành dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 theo đúng quy định. Trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2021, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Nghị quyết này) UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp cuối năm 2021.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND huyện theo chức năng, nhiệm vụ quy định thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Điều 3. Nghị quyết này được HĐND huyện khoá XII, kỳ họp thứ nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND +UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện uỷ, TT.UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.UB.MTTQ huyện;
- Phòng Tư pháp;
- TT.HĐND +UBND các xã (TT);
- VP.Huyện uỷ; UBND huyện;
- Lưu: VT, VP, TC-KH.



CHỦ TỊCH

Son Quang



Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **13/NQ-HĐND**, ngày **29** tháng **6** năm 2021 của Chủ tịch HĐND huyện Thạnh Trị



PHỤ LỤC 1

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phân đầu HĐND huyện giao)	31.050.000.000	0	31.050.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tính giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 25.690.000.000 đồng	27.200.000.000			
B	Dự toán thu ngân sách huyện	426.876.000.000	87.082.918.946	513.958.918.946	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	29.140.000.000	0	29.140.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	397.736.000.000	20.513.781.352	418.249.781.352	
1	Thu bổ sung cân đối	316.888.000.000		316.888.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	80.848.000.000		80.848.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	73.460.000.000		73.460.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	7.388.000.000		7.388.000.000	
3	Vốn bổ sung trong năm	20.513.781.352	20.513.781.352	20.513.781.352	
3.1	KP thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo ND 136/2013/NĐ-CP năm 2021	10.749.000.000	10.749.000.000	10.749.000.000	
3.2	KP phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí chi đảm bảo xã hội đợt 1 năm 2021 (chi quả Tết đối tượng chính sách, chức thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi)	105.700.000	105.700.000	105.700.000	
3.3	KP thực hiện chính sách tình thân biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 2)	307.027.339	307.027.339	307.027.339	
3.4	KP phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	
3.5	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Tuần Túc, Châu Hưng)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
3.6	KP Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sóc Trăng	220.000.000	220.000.000	220.000.000	
3.7	KP bản cứ đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.8	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 3)	166.138.013	166.138.013	166.138.013	
3.9	KP đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động năm 2021	450.000.000	450.000.000	450.000.000	
3.10	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 2)	1.191.000.000	1.191.000.000	1.191.000.000	
3.11	KP cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên	30.000.000	30.000.000	30.000.000	
3.12	KP phục vụ hoạt động các Ban Chỉ đạo và hoạt động chuyên ngành, chi đảm bảo xã hội đợt 2 năm 2021 (tổ chức kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ)	68.400.000	68.400.000	68.400.000	
3.13	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 3)	-100.000.000	-100.000.000	-100.000.000	
3.14	Kinh phí chuyển chi chính thức bảo trợ xã hội 2016-2019	1.116.516.000	1.116.516.000	1.116.516.000	
3.15	Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
3.16	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2021	100.000.000	100.000.000	100.000.000	
3.17	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Phú Lộc, Lâm Kiết)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2020 chuyển sang năm 2021		19.864.531.225	19.864.531.225	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		16.324.286.247	16.324.286.247	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.540.244.978	3.540.244.978	
IV	Thu kết dư		46.704.606.369	46.704.606.369	
1	Kết dư ngân sách huyện		43.566.450.691	43.566.450.691	
2	Kết dư ngân sách xã		3.138.155.678	3.138.155.678	
C	Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)	426.876.000.000	87.082.918.946	513.958.918.946	
I	Dự toán chi ngân sách cấp huyện	379.499.000.000	80.404.518.290	459.903.518.290	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
1	Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)	295.201.000.000		295.201.000.000	
1.1	Chi đầu tư phát triển	23.209.000.000		23.209.000.000	
1.2	Chi thường xuyên	265.275.000.000	0	265.275.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	6.717.000.000		6.717.000.000	
2	Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm	80.848.000.000		80.848.000.000	
2.1	Từ nguồn cần đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	73.460.000.000		73.460.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	7.388.000.000		7.388.000.000	
3	Dự chi XD CB và chi cải cách tiền lương	3.450.000.000		3.450.000.000	
4	Vốn bổ sung trong năm	0	20.513.781.352	20.513.781.352	
4.1	KP thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo ND 136/2013/ND-CP năm 2021		10.749.000.000	10.749.000.000	
4.2	KP phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí chi đảm bảo xã hội đợt 1 năm 2021 (chi quà Tết đối tượng chính sách, chức thợ người cao tuổi tròn 90 tuổi)		105.700.000	105.700.000	
4.3	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 2)		307.027.339	307.027.339	
4.4	KP phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021		5.600.000.000	5.600.000.000	
4.5	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Tuần Túc, Châu Hưng)		50.000.000	50.000.000	
4.6	KP Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sóc Trăng		220.000.000	220.000.000	
4.7	Kp bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		400.000.000	400.000.000	
4.8	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 3)		166.138.013	166.138.013	
4.9	KP đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động năm 2021		450.000.000	450.000.000	
4.10	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 2)		1.191.000.000	1.191.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
4.11	KP cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên		30.000.000	30.000.000	
4.12	KP phục vụ hoạt động các Ban Chỉ đạo và hoạt động chuyển ngành, chi đàm báo xã hội đợt 2 năm 2021 (tổ chức kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ)		68.400.000	68.400.000	
4.13	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 3)		-100.000.000	-100.000.000	
4.14	Kinh phí chuyển chi chính thức bảo trợ xã hội 2016-2019		1.116.516.000	1.116.516.000	
4.15	Kinh phí phục vụ công tác thi tuyển nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10.000.000	10.000.000	
4.16	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2021		100.000.000	100.000.000	
4.17	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Phù Lộc, Lâm Kiết)		50.000.000	50.000.000	
5	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021		16.324.286.247	16.324.286.247	
6	Chi kết dư ngân sách cấp huyện		43.566.450.691	43.566.450.691	
	Trong đó:				
-	Chi xây dựng Hội trường UBND thị trấn Phú Lộc		3.514.000.000	3.514.000.000	
-	Chi xây dựng Cầu nhà ông Lâm Ken- Lộ Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi		223.000.000	223.000.000	2
-	Chi xây dựng Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi		978.000.000	978.000.000	nguồn
-	Chi thực hiện công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021		222.754.710	222.754.710	
-	Cấp vốn ủy thác nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng CSXH trên địa bàn huyện		1.000.000.000	1.000.000.000	
-	Chi trợ cấp các xã, tt sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng phục vụ bầu cử		366.500.000	296.500.000	
-	Chi mua sắm máy tính bảng, Lap top cho Ban Thường vụ Huyện ủy		210.000.000	210.000.000	
-	Chi mua sắm máy phát sóng FM 700W (Đài Truyền thanh)		265.000.000	265.000.000	
-	Chi mua sắm thiết bị lớp 1		4.291.000.000	4.291.000.000	
-	Chi sửa chữa hàng rào Phòng TN và Môi trường		161.830.000	161.830.000	
-	Chuyển ngân sách huyện cho Quỹ hỗ trợ nông dân huyện thực hiện theo kết luận 61-KL/TW		200.000.000	200.000.000	
-	Chi sửa chữa TT GD TX thành khu cách ly phòng, chống Covid - 19		344.500.000	344.500.000	
-	Chi trợ cấp mục tiêu xã Châu Hưng, Thạnh Trị đối ứng xây dựng cầu		108.460.000	108.460.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
-	Chi cải tạo đóng la phong khu nhà ăn, mua 02 chiếc xe máy cho Ban Chi huy Quân sự		174.000.000	174.000.000	
-	Chi Sửa chữa một cửa cũ thành cơ quan Phòng Dân tộc		171.000.000	171.000.000	
-	Chi mua 3 máy tính phục vụ cấp Căn cước công dân		45.000.000	45.000.000	
-	Chi mua sắm trang thiết bị làm việc cho các phòng, ngành cấp huyện		800.000.000	800.000.000	
-	Chi kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo		6.261.240.000	6.261.240.000	
-	Chi hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí, theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ		1.043.131.000	1.043.131.000	
-	Chi kinh phí truy lãnh Nghị định 116 /2016		575.444.000	575.444.000	
-	Chi kinh phí biên soạn lịch sử Đảng		100.000.000	100.000.000	
-	Chi nộp trả tình các mục tiêu còn lại năm 2020		1.645.490.947	1.645.490.947	
-	Thực hiện một số nhiệm vụ khi phát sinh		20.866.100.034	20.936.100.034	
II	Chi ngân sách cấp xã	47.377.000.000	6.678.400.656	54.055.400.656	
1	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.540.244.978	3.540.244.978	
2	Kết dư ngân sách xã		3.138.155.678	3.138.155.678	

